

**MỘT SỐ LƯU Ý ĐỐI VỚI SINH VIÊN LIÊN QUAN ĐẾN
HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

1. Tóm tắt một số nội dung chính trong các quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ

NỘI DUNG SO SÁNH	QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ (sửa đổi) <i>Quyết định số 777 /QĐ-ĐHYDCT ngày 21/8/2017 và Quyết định số 2017/QĐ-ĐHYDCT ngày 26/8/2021</i>	QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC <i>Quyết định số 2018 /QĐ-ĐHYDCT ngày 26/8/2021</i>																								
Đối tượng áp dụng	Áp dụng đối với các khóa tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2020 trở về trước. (Chính quy: K42, K43, K44, K45, K46; Liên thông: K32, K33, K34)	Áp dụng đối với các khóa tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2021. (Chính quy: K47; Liên thông: K35)																								
Khối lượng của mỗi chương trình	Tối đa 210 tín chỉ đối với khóa đại học 6 năm; 170 tín chỉ đối với khóa đại học 5 năm; 140 tín chỉ đối với khóa đại học 4 năm	Tối thiểu là 180 tín chỉ đối với khóa đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khóa đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khóa đại học 4 năm																								
Thời gian tối đa hoàn thành chương trình	<table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Thời gian thiết kế chương trình</th> <th>Thời gian học tập được kéo dài tối đa</th> <th>Thời gian học tập được kéo dài thêm đối với SV diện chính sách (*)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thời gian đào tạo toàn khóa</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4 năm</td> <td>8 học kỳ chính</td> <td>4 học kỳ</td> <td>+ 2 học kỳ</td> </tr> </tbody> </table>		Thời gian thiết kế chương trình	Thời gian học tập được kéo dài tối đa	Thời gian học tập được kéo dài thêm đối với SV diện chính sách (*)	Thời gian đào tạo toàn khóa				4 năm	8 học kỳ chính	4 học kỳ	+ 2 học kỳ	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian đào tạo toàn khóa</th> <th>Thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa</th> <th>Thời gian học tập tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4 năm</td> <td>4 năm</td> <td>8 năm</td> </tr> <tr> <td>5 năm</td> <td>5 năm</td> <td>10 năm</td> </tr> <tr> <td>6 năm</td> <td>6 năm</td> <td>12 năm</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian đào tạo toàn khóa	Thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa	Thời gian học tập tối đa	4 năm	4 năm	8 năm	5 năm	5 năm	10 năm	6 năm	6 năm	12 năm
		Thời gian thiết kế chương trình	Thời gian học tập được kéo dài tối đa	Thời gian học tập được kéo dài thêm đối với SV diện chính sách (*)																						
Thời gian đào tạo toàn khóa																										
4 năm	8 học kỳ chính	4 học kỳ	+ 2 học kỳ																							
Thời gian đào tạo toàn khóa	Thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa	Thời gian học tập tối đa																								
4 năm	4 năm	8 năm																								
5 năm	5 năm	10 năm																								
6 năm	6 năm	12 năm																								

	5 năm	10 học kỳ chính	6 học kỳ	+ 4 học kỳ	
	6 năm	12 học kỳ chính	6 học kỳ	+ 4 học kỳ	
Tín chỉ	<p>- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết (tùy theo học phần các bộ môn và khoa đào tạo có thể đề nghị tăng thêm nhưng không quá 3 tiết); 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở, cộng đồng, bệnh viện, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc chuyên đề tốt nghiệp.</p> <p>- Đối với những học phần lý thuyết để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân (có hướng dẫn và đánh giá).</p>				<p>- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở, cộng đồng, bệnh viện, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc chuyên đề tốt nghiệp.</p> <p>- Đối với những học phần lý thuyết để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân (có hướng dẫn và đánh giá)</p>
Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy	<p>- Thời gian hoạt động giảng dạy lý thuyết của trường được tính từ 7 giờ đến 19 giờ 40 phút hàng ngày, thực hiện 6 ngày/tuần (từ thứ hai đến thứ bảy). Một tiết học được tính bằng 50 phút.</p> <p>- Thời gian giảng dạy thực hành bắt đầu từ 7g00 vào buổi sáng và 13g00 vào buổi chiều</p>				<p>- Thời gian hoạt động giảng dạy lý thuyết của trường được tính từ 07 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7. Một tiết học được tính bằng 50 phút.</p> <p>- Thời gian giảng dạy thực hành, cộng đồng, lâm sàng bắt đầu từ 7g00-11g00 vào buổi sáng và 13g00-17g00 vào buổi chiều (trừ thời gian trực bệnh viện).</p>
Tổ chức lớp học	<p>1. Lớp sinh viên chuyên ngành: được hình thành từ đầu khóa học cho đến cuối khóa học, ổn định trong suốt khóa học, tổ chức theo Quy chế Công tác sinh viên, có một giảng viên làm Cố vấn học tập cho</p>				

	<p>sinh viên trong lớp về các vấn đề học vụ, giúp đỡ sinh viên lập KHHT trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa đào tạo.</p> <p>2. Lớp học phần: do Bộ môn/Khoa chịu trách nhiệm quản lý, là lớp có sinh viên đăng ký theo học cùng 1 học phần, có cùng thời khóa biểu của môn học/học phần trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Số lượng tối thiểu là 30 sinh viên.</p>	
Quy định về năm học	<p>Một năm học có 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, có thể tổ chức thêm học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể, trường tổ chức học kỳ phụ cho những SV thi không đạt ở các học kỳ chính được đăng ký học lại và những SV khá, giỏi có điều kiện học vượt để kết thúc sớm chương trình đào tạo.</p>	<p>Một năm học có 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.</p>
Đăng ký học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch học tập của sinh viên xây dựng xong phải được Cố vấn học tập duyệt trước khi đăng ký học phần - Trong 2 tuần trước đầu mỗi học kỳ, sinh viên bắt đầu đăng ký các học phần theo kế hoạch học tập đã lập trên Hệ thống quản lý đào tạo. Các sinh viên mới trúng tuyển không phải đăng ký học phần cho học kỳ đầu tiên của khóa học. Từ học kỳ 2 trở đi sinh viên phải đăng ký học phần. - Hình thức đăng ký học phần: đăng ký bình thường và đăng ký muộn. - Số tín chỉ mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ (trừ học kỳ cuối cùng của khóa học): không ít hơn 2/3 và không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Trong trường hợp sinh viên muốn đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu thì phải được sự đồng ý của Trường phòng Đào tạo đại học 	
Rút bớt học phần đã đăng ký	<p>1. Trong thời gian 2 tuần kể từ ngày học kỳ bắt đầu. Sau thời hạn này, học phần vẫn được giữ nguyên, SV không đi học sẽ phải nhận điểm F (điểm 0) đối với học phần đó.</p> <p>2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:</p>	

	<p>a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo đại học của Trường (biểu mẫu 1);</p> <p>b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;</p> <p>c) Không vi phạm số tín chỉ tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ.</p> <p>Sinh viên chỉ được phép bỏ học lớp học phần xin rút bớt sau khi học phần đã đăng ký được xóa bỏ trên Hệ thống quản lý đào tạo.</p>																		
<p>Cách tính điểm đánh giá thành phần, điểm học phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 và được làm tròn 01 số lẻ đến 0,1. - Điều kiện để được thi kết thúc: Học phần (gọi tắt là HP) có cả lý thuyết và thực hành chung: SV phải đạt kiểm tra thực hành ($\geq 5,00$ theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc HP. HP lý thuyết: SV không được vắng quá 25% tiết học. HP thực hành, lâm sàng: SV phải tham dự 100% các giờ thực hành, lâm sàng. - Điểm tổng hợp đánh giá học phần (điểm học phần) được tính dựa vào điểm thành phần bao gồm: điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hành, điểm kiểm tra-lâm sàng, điểm đánh giá tự học,...và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Điểm học phần được tính từ tổng điểm các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn tới một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau: <table border="1" data-bbox="432 1391 1428 1906"> <thead> <tr> <th>Loại</th> <th>Điểm chữ</th> <th>Thang điểm 10</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="4">Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)</td> <td>A</td> <td>8,5 – 10</td> </tr> <tr> <td>B</td> <td>7,0 – 8,4</td> </tr> <tr> <td>C</td> <td>5,5 – 6,9</td> </tr> <tr> <td>D</td> <td>4,0 – 5,4</td> </tr> <tr> <td>Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập)</td> <td>P</td> <td>Từ 5,0 trở lên</td> </tr> <tr> <td>Không đạt</td> <td>F</td> <td>< 4,0</td> </tr> </tbody> </table>	Loại	Điểm chữ	Thang điểm 10	Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	A	8,5 – 10	B	7,0 – 8,4	C	5,5 – 6,9	D	4,0 – 5,4	Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập)	P	Từ 5,0 trở lên	Không đạt	F	< 4,0
Loại	Điểm chữ	Thang điểm 10																	
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	A	8,5 – 10																	
	B	7,0 – 8,4																	
	C	5,5 – 6,9																	
	D	4,0 – 5,4																	
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập)	P	Từ 5,0 trở lên																	
Không đạt	F	< 4,0																	

<p>Học lại và học cải thiện điểm</p>	<p>1. Học lại: SV có học phần bắt buộc bị F (< 4,0 theo thang điểm 10) phải đăng ký học lại học phần đó cho đến khi đạt điểm A, B, C, D; SV có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó để cải thiện điểm hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.</p> <p>2. SV được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.</p>	<p>1. Học lại: SV có điểm học phần không đạt (điểm F); SV có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.</p> <p>2. Học cải thiện điểm: SV đã có điểm học phần đạt, có thể đăng ký học lại để cải thiện điểm. Điểm chính thức của học phần là điểm cao nhất trong các lần học cải thiện.</p>						
<p>Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần</p>	<p>1. Sau thời gian tối thiểu 01 tuần kết thúc học phần, Trường tổ chức một kỳ thi để thi kết thúc học phần.</p> <p>2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.</p>							
<p>Đánh giá kết quả học tập</p>	<p>1. Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK) là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã đăng ký trong học kỳ (<i>kể cả học phần điểm F, không bao gồm học phần điều kiện</i>) với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó.</p> <p>2. Điểm trung bình năm học (ĐTBNH) là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã đăng ký trong năm học (<i>kể cả học phần điểm F, không bao gồm học phần điều kiện</i>) với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó.</p> <p>3. Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (<i>kể cả học phần điểm F, không bao gồm học phần điều kiện</i>) với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó.</p> <p>4. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4:</p> <table border="1" data-bbox="576 1850 1286 2004"> <thead> <tr> <th>Điểm chữ</th> <th>Quy đổi thang điểm 4</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>B</td> <td>3</td> </tr> </tbody> </table>		Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4	A	4	B	3
Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4							
A	4							
B	3							

	<table border="1"> <tr> <td>C</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>D</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>F</td> <td>0</td> </tr> </table>	C	2	D	1	F	0								
C	2														
D	1														
F	0														
	<p>5. SV được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Xếp loại</th> <th>Thang điểm 4</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Xuất sắc</td> <td>3,6 - 4,0</td> </tr> <tr> <td>Giỏi</td> <td>3,2 – cận 3,6</td> </tr> <tr> <td>Khá</td> <td>2,5 – cận 3,2</td> </tr> <tr> <td>Trung bình</td> <td>2,0 – cận 2,5</td> </tr> <tr> <td>Yếu</td> <td>1,0 – cận 2,0</td> </tr> <tr> <td>Kém</td> <td>< 1,0</td> </tr> </tbody> </table>	Xếp loại	Thang điểm 4	Xuất sắc	3,6 - 4,0	Giỏi	3,2 – cận 3,6	Khá	2,5 – cận 3,2	Trung bình	2,0 – cận 2,5	Yếu	1,0 – cận 2,0	Kém	< 1,0
Xếp loại	Thang điểm 4														
Xuất sắc	3,6 - 4,0														
Giỏi	3,2 – cận 3,6														
Khá	2,5 – cận 3,2														
Trung bình	2,0 – cận 2,5														
Yếu	1,0 – cận 2,0														
Kém	< 1,0														
Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học	<p>1. Cuối mỗi học kỳ chính, SV được cảnh báo học tập khi:</p> <p>a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ;</p> <p>b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;</p> <p>c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với SV năm nhất, dưới 1,4 đối với SV năm hai, dưới 1,6 đối với SV năm ba và dưới 1,8 đối với SV các năm tiếp theo.</p> <p>2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá 3 lần hoặc vượt quá 2 lần liên tiếp;</p> <p>b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định.</p>														
Xếp trình độ năm học	<table border="1"> <tr> <td>a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;</td> <td rowspan="2">Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ</td> </tr> <tr> <td>b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 31 tín chỉ đến dưới 65 tín chỉ;</td> </tr> </table>	a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;	Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ	b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 31 tín chỉ đến dưới 65 tín chỉ;											
a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;	Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ														
b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 31 tín chỉ đến dưới 65 tín chỉ;															

	<p>c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 66 tín chỉ đến dưới 100 tín chỉ;</p> <p>d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 101 tín chỉ đến dưới 140 tín chỉ;</p> <p>đ) Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 140 tín chỉ đến dưới 180 tín chỉ;</p> <p>e) Sinh viên năm thứ sáu: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 180 tín chỉ trở lên.</p>	<p>thể như sau:</p> <p>a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;</p> <p>b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;</p> <p>c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;</p> <p>d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;</p> <p>đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$;</p> <p>e) Trình độ năm thứ sáu: $5M \leq N < 6M$.</p>		
<p>Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp</p>	<p>1. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp:</p> <p>a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt CDR của CTĐT;</p> <p>b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (từ 2,0 trở lên);</p> <p>c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.</p> <p>d) Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp.</p> <p>2. Trường thực hiện xét tốt nghiệp cho sinh viên 03 lần trong năm học dựa theo kế hoạch năm học và kế hoạch xét tốt nghiệp trong năm.</p> <p>3. SV đủ điều kiện tốt nghiệp được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.</p> <p>4. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa như sau:</p> <table border="1" data-bbox="507 1989 1353 2031"> <tr> <td data-bbox="507 1989 887 2031">Xếp loại</td> <td data-bbox="887 1989 1353 2031">Thang điểm 4</td> </tr> </table>		Xếp loại	Thang điểm 4
Xếp loại	Thang điểm 4			

		Xuất sắc	3,6 - 4,0
		Giỏi	3,2 – cận 3,6
		Khá	2,5 – cận 3,2
		Trung bình	2,0 – cận 2,5
		Yếu	1,0 – cận 2,0
		Kém	< 1,0

Hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại **xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu** thuộc một trong các trường hợp sau: Khối lượng của các học phần phải **học lại vượt quá 5%** so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn CTĐT; Sinh viên đã **bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên** trong thời gian học.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận (bảng điểm) về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. SV xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác; Trường hợp này, sinh viên phải học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được **tính vào thời gian học chính thức** theo quy định.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn **trở lại học tiếp**, phải viết đơn gửi P.CTSV **ít nhất hai tuần trước** khi bắt đầu học kỳ mới.

	<p>4. Sinh viên được quyền xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác. Sinh viên xin thôi học được cấp bằng điểm kết quả học tập đã tích lũy. Sinh viên xin thôi học phải bồi hoàn kinh phí đào tạo cho Trường.</p>	
<p>Nghỉ Ớm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên xin nghỉ Ớm trong quá trình học hoặc trong đợt kiểm tra, thi: gửi đơn xin phép Bộ môn trong vòng một tuần kể từ ngày Ớm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện. - Sinh viên xin hoãn thi kết thúc học phần lý thuyết: gửi đơn về phòng Khảo thí. 	
<p>Chuyển ngành, chuyển trường</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuyển ngành: quy định này không đề cập tới 2. Điều kiện chuyển trường: <ol style="list-style-type: none"> a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập; b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học; c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến; d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định. 3. Các trường hợp SV không được phép chuyển trường: <ol style="list-style-type: none"> a) SV đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Điều kiện chuyển ngành (chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác): <ol style="list-style-type: none"> a) Không đang là SV năm nhất hoặc năm cuối, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định; b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh; c) Trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; d) Không là sinh viên diện dự bị dân tộc, cử tuyển, đào tạo theo nhu cầu. đ) Được sự đồng ý của trưởng Đơn vị chuyên môn phụ trách

	<p>không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;</p> <p>b) SV thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;</p> <p>c) SV năm đầu khóa và năm cuối khóa;</p> <p>d) SV đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.</p>	<p>chương trình, ngành đào tạo và của Hiệu trưởng.</p> <p>2. Điều kiện chuyển trường:</p> <p>a) Không đang là SV năm nhất hoặc năm cuối, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định;</p> <p>b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến (chuyển trường theo đúng ngành đang học);</p> <p>c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;</p> <p>d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Trường xin chuyển đi và Trường xin chuyển đến.</p>
<p>Học cùng lúc hai chương trình</p>	<p>1. Điều kiện: Điểm trúng tuyển đầu vào của sinh viên phải bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển đầu vào của chương trình thứ hai ở năm tuyển sinh chương trình thứ nhất. Ngành đào tạo ở chương trình thứ hai thuộc nhóm ngành đào tạo hệ cử nhân hệ chính quy của trường và phải khác ngành đào tạo ở chương trình thứ nhất; Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ hai năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất; Sinh viên</p>	<p>1. Điều kiện: Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;</p> <p>2. Nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập: phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp</p>

	<p>đạt kết quả xếp loại từ khá trở lên; thuộc diện trúng tuyển chính thức, không bao gồm các sinh viên diện cử tuyển, dự bị hoặc đào tạo theo nhu cầu xã hội.</p> <p>2. Nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai: phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.</p> <p>3. Thời gian tối đa được phép học tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.</p> <p>4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.</p> <p>5. Hồ sơ, thủ tục, quy trình sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai được cụ thể hóa tại quy định khác.</p>	<p>theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.</p> <p>3. Thời gian tối đa được phép học là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.</p> <p>4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.</p> <p>5. Trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về chỉ tiêu tuyển sinh, năng lực đào tạo.</p>
<p>Xử lý vi phạm đối với sinh viên</p>	<p>1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi kết thúc học phần, chuẩn bị chuyên đề tốt nghiệp: xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.</p> <p>2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ: đình chỉ học tập một năm khi vi phạm lần đầu và buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai.</p> <p>3. Các trường hợp khác: xử lý kỷ luật theo Quy chế tuyển sinh đại học-hệ chính quy, quy định về</p>	<p>1. Sinh viên gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập: xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.</p> <p>2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ: đình chỉ học tập 01 năm đối với vi phạm lần đầu và buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai.</p> <p>3. Sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp: buộc thôi học; văn</p>

	kiểm tra, thi và quy định công tác sinh viên của trường.	bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ. 4. Các trường hợp khác: xử lý kỷ luật theo quy định về kiểm tra, thi và quy định công tác sinh viên của Trường.
Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo	-	1. SV có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo do Trường quy định, số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo đó không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. 2. Hợp tác đào tạo giữa các Trường: số tín chỉ SV tích lũy tại Trường phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

**2. Tóm tắt một số điểm chính trong quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học
(Quyết định số 1192/QĐ-ĐHYDCT ngày 12/7/2021)**

Điểm chính	Nội dung
Đối tượng áp dụng	Sinh viên hệ chính qui, hệ liên thông chính qui
Định nghĩa	Xét và công nhận điểm học phần: Là căn cứ vào nội dung chương trình đào tạo, khối lượng học tập, phương pháp đánh giá và kết quả học tập của sinh viên ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng với chương trình đào tạo đại học hiện hành của nhà trường

<p>Nguyên tắc chung</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tín chỉ tích lũy bằng hoặc lớn hơn tổng số tín chỉ chương trình đào tạo hiện hành hệ chính quy tương ứng ngành đào tạo hiện hành. - Nguyên tắc chuyển đổi đơn vị học trình (ĐVHT) sang tín chỉ (TC): Đối với học phần có chia lý thuyết và thực hành: Số TC lý thuyết = ĐVHT x 2/3, Số TC thực hành giữ nguyên. Đối với học phần chung (không phân biệt lý thuyết và thực hành): Số TC = ĐVHT x 2/3 Tổng số tín chỉ sau khi đã được quy đổi dựa trên nguyên tắc được làm tròn số dư phần thập phân: nếu lớn hơn hoặc bằng 0,5 thì được tăng thêm 1 (một) đơn vị; nếu nhỏ hơn 0,5 thì không tính.
<p>Công nhận điểm học phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các học phần thuộc kiến thức chung, cơ sở khối ngành: số lượng tín chỉ quy đổi trong chương trình đào tạo khác $\geq 50\%$ so với học phần cùng tên gọi (hoặc tương tự) ở chương trình đào tạo hiện hành sẽ được công nhận. - Đối với các học phần thuộc cơ sở ngành, chuyên ngành: số lượng tín chỉ quy đổi trong chương trình đào tạo khác $\geq 75\%$ so với học phần cùng tên gọi (hoặc tương tự) ở chương trình đào tạo hiện hành sẽ được công nhận. - Đối với các học phần (HP) ghép:

	<p>Chương trình đào tạo khác Chương trình đào tạo hiện hành Điều kiện Kết quả</p> <p>Nhiều HP Một HP Tổng khối lượng tín chỉ: + HP kiến thức chung, kiến thức cơ sở khối sở khối ngành: $\geq 50\%$ + HP kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành: $\geq 75\%$ Công nhận</p> <p>Một HP Nhiều HP HP kiến thức chung, cơ sở khối ngành: + $\geq 50\%$ + $\geq 30-49\%$ + $< 30\%$ Công nhận Công nhận 1 HP (*) Không công nhận</p> <p>HP cơ sở ngành, chuyên ngành: + $\geq 75\%$ + $\geq 50-74\%$ + $< 50\%$ Công nhận Công nhận 1 HP (*) Không công nhận</p> <p>(*) công nhận và bổ sung học phần do hội đồng Khoa quyết định.</p> <p>Có thể ghép nhiều học phần trong chương trình đào tạo khác để xét miễn và công nhận 01 (một) học phần trong chương trình đào tạo hiện hành.</p> <p>- Sinh viên chỉ được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và miễn học môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường</p> <p>quân đội, công an cấp;</p> <p>b) Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh khi học một chương</p> <p>trình đào tạo trình độ đại học;</p> <p>- Sinh viên chỉ được công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và miễn trừ</p>
--	---

	<p>môn học Giáo dục thể chất trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Sinh viên đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành Thể dục thể thao;</p> <p>b) Sinh viên đã hoàn thành học phần Giáo dục thể chất trong một chương trình đào tạo trình độ đại học và được cấp chứng chỉ đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;</p> <p>c) Sinh viên bị khuyết tật vận động theo Luật người khuyết tật có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.</p>
<p>Số tín chỉ công nhận, tín chỉ bổ sung và học phần bắt buộc</p>	<p>- Số tín chỉ được công nhận:</p> <p>a) Nếu số tín chỉ học phần của chương trình đào tạo khác lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ học phần của chương trình đào tạo hiện hành thì số tín chỉ được công nhận bằng số tín chỉ học phần của chương trình đào tạo hiện hành.</p> <p>b) Nếu số tín chỉ học phần của chương trình đào tạo nhỏ hơn số tín chỉ học phần của chương trình đào tạo hiện hành thì số tín chỉ được công nhận bằng số tín chỉ học phần của chương trình đào tạo khác. Đồng thời, sinh viên phải học bổ sung học phần để tích lũy đủ khối lượng kiến thức cho toàn khóa.</p> <p>- Số tín chỉ bổ sung:</p> <p>a) Tổng số tín chỉ bổ sung \geq tổng số tín chỉ chương trình đào tạo hiện hành - số tín chỉ được công nhận miễn giảm.</p> <p>b) Dựa vào tổng số tín chỉ cần bổ sung và căn cứ theo chương trình đào tạo hiện</p>

	<p>hành, sinh viên sẽ lựa chọn đăng ký học một trong những học phần bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học phần chưa được công nhận. + Học phần thuộc kiến thức ngành. + Học phần được miễn giảm một phần (số tín chỉ của chương trình đào tạo khác thấp hơn chương trình đào tạo hiện hành). <p>Các học phần được công nhận từ chương trình đào tạo khác sẽ được ký hiệu R</p> <p>trong bảng điểm đào tạo và không tính vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa học.</p>
<p>Quy trình xét công nhận điểm học phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cung cấp bản sao có công chứng bằng điểm học tập và chứng chỉ (nếu có) ở các chương trình đào tạo khác đề nghị được công nhận, chuyển đổi kết quả học tập cho phòng Đào tạo đại học và nhập dữ liệu kết quả học tập tương ứng lên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo vào đầu khóa học. - Căn cứ vào chương trình đào tạo hiện hành, sinh viên làm đơn đề nghị Nhà trường xét và công nhận học phần đã học và tích lũy. - Sinh viên căn cứ kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần được phê duyệt, thông qua tư vấn của cố vấn học tập, lập kế hoạch học tập toàn khóa và đăng ký học các học phần cần phải tích lũy cho các học kỳ. Khoa và cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên đăng ký học phần và kế hoạch học tập của toàn khóa học.